

Bản án số: 85/2024/DS-ST
Ngày 23-12-2024
V/v tranh chấp nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hoàng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lô.

2. Bà Mai Thị Bỉ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Quyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim S, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số B, ấp N, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

- Bà Phạm Thị L, sinh năm 1966;

- Ông Trần Văn N, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Số nhà A, ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Long An.

(Bà S có mặt; bà L, ông N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26-7-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Kim S trình bày:

Bà Trần Kim S có tham gia dây hụi do bà Trần Kim S làm đầu thảo, hụi

2.000.000 đồng, mở ngày 07-08-2022 (ngày 10-7-2022 âm lịch), gồm 18 phần, mỗi phần đóng 1.550.000 đồng, bà S tham gia 02 phần, đã đóng hội đến khi mãn hội là ngày 22-12-2023 (ngày 10-11-2023 âm lịch), tổng số tiền hội bà S được hốt khi mãn hội là 66.000.000 đồng. Ông Trần Văn N – chồng của bà L là người trực tiếp thu hội mỗi tháng, ông N có ký nhận vào giấy đóng hội của bà S. Ngày 17-01-2024 âm lịch, tức là ngày 26-02-2024, bà S và bà L đã chốt hội, bà L đã viết giấy tay xác nhận còn nợ bà S số tiền hội là 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng), hẹn trả dần trong vòng 01 tháng. Tuy nhiên, sau khi hết thời hạn 01 tháng bà L không trả tiền nợ hội đúng hẹn, bà S đã đòi nhiều lần, bà L đã trả nợ cho bà S 03 lần: Lần 01 trả 5.000.000 đồng, lần 02 trả 2.000.000 đồng, lần 03 trả 1.000.000 đồng; tổng cộng là 8.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 58.000.000 đồng cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà L chưa trả cho bà S khoản tiền nợ nào. Vì vậy, bà Trần Kim S khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N liên đới trả cho bà số tiền nợ hội là 58.000.000 đồng.

Trong suốt quá trình tố tụng, các bị đơn bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng các bị đơn không có yêu cầu phản tố, hay ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Kim S khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N liên đới trả số tiền hội còn nợ theo Giấy viết tay ngày 17-01-2024 âm lịch, tức là ngày 26-02-2024. Các bị đơn hiện đang cư trú tại xã Đ, huyện T, tỉnh Long An theo xác nhận của Công an xã Đ, huyện T, tỉnh Long An. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp nợ hội thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định

tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các bị đơn.

[3] Về giao nộp chứng cứ: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà S đã cung cấp Giấy viết tay ngày 17-01-2024 âm lịch, tức là ngày 26-02-2024 có chữ ký tên và ghi rõ họ tên “Phạm Thị L”. Bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có ý kiến phản đối với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên lời trình bày của nguyên đơn là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Phạm Thị L đã vi phạm thời hạn trả nợ hụi theo Giấy viết tay ngày 17-01-2024 âm lịch, tức là ngày 26-02-2024 nên có nghĩa vụ trả cho bà S số tiền hụi còn nợ là 58.000.000 đồng theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N liên đới trả tiền nợ hụi, thấy rằng: Đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông N, đồng thời bà S cung cấp Danh sách đóng hụi hàng tháng có chữ ký nhận hụi của ông N. Như vậy có cơ sở xác định ông N biết rõ việc bà L làm đầu thảo hụi và có thu hụi của bà S đóng hàng tháng nên cần buộc ông Trần Văn N có nghĩa vụ liên đới với bà Phạm Thị L trả tiền nợ hụi cho bà Trần Kim S theo quy định tại Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim S là có cơ sở nên được chấp nhận, buộc bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N liên đới trả cho bà Trần Kim S số tiền nợ hụi là 58.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.1] Buộc bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N phải liên đới chịu 2.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

[7.2] Nguyên đơn bà Trần Kim S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận, hoàn trả cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.459.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009737 ngày 16-10-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 96, Điều 92, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 26, của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Kim S về “Tranh chấp nợ hụi” đối với bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N.

Buộc bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N phải liên đới trả cho bà Trần Kim S số tiền nợ hụi là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Buộc bà Phạm Thị L và ông Trần Văn N phải liên đới chịu 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

Bà Trần Kim S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.459.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009737 ngày 16-10-2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Thị Hoàng Dung